TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 29-01-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hoa
2. Ông Trương Tha

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Văn Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113a/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng S;

Địa chỉ: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Trưởng phòng Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng S - Chi nhánh N; địa chỉ: 268 Nguyễn Thị Ngọc Oanh, tổ dân phố 5, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền số 201/2021/GUQ-CNNH ngày 19/5/2023); có đon xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị Tường Qu, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa 1, xã Ph, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/8/2022, bà Hồ Thị Tường Qu có ký với Ngân hàng S – Chi nhánh N (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, các tài liệu này được gọi chung là Hợp

đồng). Căn cứ thu nhập của bà Qu tại thời điểm ký hợp đồng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Qu đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 33.128.270 đồng.

Do bà Qu vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 19 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 10/4/2023 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/8/2023, bà Qu còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền 33.128.270 đồng, trong đó nợ gốc: 28.412.870 đồng; nợ lãi quá hạn: 4.715.400 đồng cùng lãi phát sinh sau ngày 08/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Mặc dù Ngân hàng S đã thường xuyên đôn đốc và yêu cầu bà Qu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn nhưng bà Qu vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị Tường Qu phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/8/2023 là 33.128.270 đồng, trong đó nợ gốc: 28.412.870 đồng; nợ lãi quá hạn: 4.715.400 đồng cùng lãi phát sinh sau ngày 08/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà Hồ Thị Tường Qu nhưng bà Qu cố tình trốn tránh, không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử Bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử (ngày 29/01/2024) bà Hồ Thị Tường Qu còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền 39.965.600 đồng, trong đó nợ gốc: 28.412.870 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.701.820 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.850.910 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Qu phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ nêu trên cùng khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm:

Về chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Hồ Thị Tường Qu phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử (ngày 29/01/2024) là 39.965.600 đồng, trong đó nợ gốc: 28.412.870 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.701.820 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.850.910 đồng và khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29/01/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn- Ngân hàng S có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Hồ Thị Tường Qu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 15/8/2022, bà Hồ Thị Tường Qu có ký với Ngân hàng S – Chi nhánh N (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Qu tại thời điểm ký hợp đồng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân,

Quá trình thực hiện hợp đồng, do bà Qu vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S khởi kiện bà Qu tại Tòa án làm phát sinh quan hệ tranh chấp dân sự. Bà Hồ Thị Tường Qu là bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn Xuân Hòa 1, xã Ph, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, khi xảy ra tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng sử dụng thẻ ký giữa Ngân hàng S và bà Hồ Thị Tường Qu là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Việc bà Hồ Thị Tường Qu không thực hiện trả nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015 vì vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đề nghị Tòa án buộc bà Hồ Thị Tường Qu phải thanh toán số nợ gốc và lãi là có căn cứ và được chấp nhận.

Về tiền nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, ký kết giữa bà Hồ Thị Tường Qu và đại diện của Ngân hàng S, cùng với các bảng tóm tắt sao kê của thẻ tín dụng 472074-8619 của bà Hồ Thị Tường Qu từ ngày 10/9/2022 đến ngày 29/01/2024, xác định được tổng số tiền bà Qu đã giao dịch là 25.250.000 đồng. Tính đến lần thanh toán cuối cùng bà Qu đã thanh toán trả Ngân hàng S được tổng số tiền 2.670.000 đồng. Số tiền nợ còn phải trả tính đến ngày 29/01/2024 là 39.965.600 đồng.

Về tiền nợ lãi: Căn cứ nguyên tắc tính lãi, phí thẻ tín dụng quốc tế 472074-8619 xác định mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% của mức lãi suất 2,5%/tháng. Như vậy tổng số tiền lãi từ ngày 10/9/2022 đến ngày 29/01/2024 là 11.552.730 đồng

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn thẻ tín dụng, bà Hồ Thị Tường Qu phải trả cho Ngân hàng S tính đến ngày 29/01/2024 là: 28.412.870 đồng + 11.552.730 đồng = 39.965.600 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Qu còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S được chấp nhận, vì vậy không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Hồ Thị Tường Qu phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Buộc bà Hồ Thị Tường Qu phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.965.600 (ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm) đồng. Trong đó nợ gốc: 28.412.870 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.552.730 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Hồ Thị Tường Qu còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Tường Qu phải chịu 1.998.280 (một triệu chín trăm chín mươi tám ngàn hai trăm tám mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền 828.206 (tám trăm hai mươi tám ngàn hai trăm lẻ sáu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0001427 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Thịnh